Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3808.92.11

Mã HS	3808.92.11
Mô tả hàng hóa	Thuốc trừ côn trùng, thuốc diệt loài gặm nhấm, thuốc trừ nấm, thuốc diệt cỏ, thuốc chống nẩy mầm và thuốc điều hòa sinh trưởng cây trồng, thuốc khử trùng và các sản phẩm tương tự, được làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ hoặc như các chế phẩm hoặc sản phẩm (ví dụ, băng, bấc và nến đã xử lý lưu huỳnh và giấy bẫy ruồi) / - Loại khác: / - - Thuốc trừ nấm: / - - - Dạng bình xịt: / - - - - Với hàm lượng validamycin không quá 3% tính theo khối lượng tịnh
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	10/11/2026 02:18:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38089211/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5412
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5412
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5412
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT – xem biểu	579/2018/UBTVQH14	2018-09-26	BT2026!CV5412
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.2	1,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5264
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5225
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5225
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5225
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5225
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5225
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5225
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5269
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5269
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5269
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5269

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5269
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5269
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5267
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5267
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5267
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5267
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5267
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5267
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5269
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5231
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5227
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5227
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5227
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5227
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5227
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5227
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5236
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5236
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5236
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5236
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5236
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5236
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5277
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5277
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5277
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5277

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5277
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5277
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D5278
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E5278
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F5278
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G5278
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H5278
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I5278
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D764
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E764
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D5281
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E5281
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F5281
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G5281
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H5281
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5281
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5250
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5250
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5250
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5250
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5250
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5250
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5252
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5252
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5252
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5252

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5252
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5252
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5250
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5250
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5250
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5250
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5250
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5250
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5250
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5271
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5271
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5271
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5271
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5271
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5271
RCEP B	2022	2022	0	B!D5271
RCEP B	2023	2023	0	B!E5271
RCEP B	2024	2024	0	B!F5271
RCEP B	2025	2025	0	B!G5271
RCEP B	2026	2026	0	B!H5271
RCEP B	2027	2027	0	B!I5271
RCEP C	2022	2022	0	C!D5271
RCEP C	2023	2023	0	C!E5271
RCEP C	2024	2024	0	C!F5271
RCEP C	2025	2025	0	C!G5271
RCEP C	2026	2026	0	C!H5271

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5271
RCEP D	2022	2022	0	D!D5271
RCEP D	2023	2023	0	D!E5271
RCEP D	2024	2024	0	D!F5271
RCEP D	2025	2025	0	D!G5271
RCEP D	2026	2026	0	D!H5271
RCEP D	2027	2027	0	D!I5271
RCEP E	2022	2022	0	E!D5274
RCEP E	2023	2023	0	E!E5274
RCEP E	2024	2024	0	E!F5274
RCEP E	2025	2025	0	E!G5274
RCEP E	2026	2026	0	E!H5274
RCEP E	2027	2027	0	E!I5274
RCEP F	2022	2022	0	F!D5271
RCEP F	2023	2023	0	F!E5271
RCEP F	2024	2024	0	F!F5271
RCEP F	2025	2025	0	F!G5271
RCEP F	2026	2026	0	F!H5271
RCEP F	2027	2027	0	F!I5271
VIFTA	2024	2024	2,4	VI!F4856
VIFTA	2025	2025	1.8	VI!G4856
VIFTA	2026	2026	1.2	VI!H4856
VIFTA	2027	2027	0.6	VI!I4856

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3808.92 có 3 dòng thuế; dòng 3808.92.11 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Với hàm lượng validamycin không quá 3% tính theo khối lượng tịnh.	3808.92.19 Loại khác; 3808.92.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3808.92.11. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 3808.92.11 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5412), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.